

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD	7:25	22+0	0+0		22	0+0	
2		RP3+PPD	7:25	7+14	0+0		0+22	0+0	
3		RP3	9:25	17	0		22	0	

TTBBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: PPD	CREW: VThắng - HTrung - QTrường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	16	1	7	22	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH VIỄN	PPD	73,39	2	12		77	KHI	Vietnamese
3	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	18	1	6		82	KHI	Vietnamese
4	ĐÌNH NGỌC QUÝ	PPD	05	1	4		75	KHI	Vietnamese
5	BUI HỮU LÂN	PPD	41-42	2	10		78	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	40	1	6		78	KHI	Vietnamese
7	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	03	1	9		59	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	99	1	3		85	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	19	1	5		59	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	01	1	7		82	KHI	Vietnamese
11	CAO NAM QUÝ	PPD	20	1	7		66	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	02	1	6		45	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	46	1	4		76	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	900	1	4		68	KHI	Vietnamese
15	HÀ THẾ BẢO	PPD					75	KHI	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	07	1	3		80	KHI	Vietnamese
17	LÊ HỒNG PHONG	PPD	44	1	7		80	KHI	Vietnamese
18	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	15,38	2	8		64	KHI	Vietnamese
19	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	43	1	5		81	KHI	Vietnamese
20	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	45	1	4		62	KHI	Vietnamese
21	LÊ HUY VINH	PPD	17	1	5		65	KHI	Vietnamese
22	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	06	1	5		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	127	1.583	22	22		
	TOTAL	22	24	127	1.583	22	22		
	WEIGHT KG			127	1.583	22			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/09/2023	TO: RP3 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinh - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

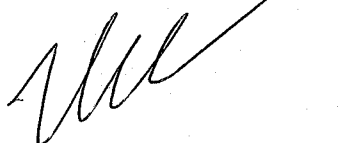
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRUNG KIEN	RP3	89	1	15		81	KH-THAC	Vietnamese
2	TU NGOC HAI	RP3	84-85	2	10		75	KHI	Vietnamese
3	LE ĐỨC VIỆT	RP3	87	1	3	50	71	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					90	KHI	Vietnamese
5	BUI VAN PHU	RP3	86	1	3		74	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN CHINH THI	RP3	88	1	2		74	KHI	Vietnamese
7	ĐAO ANH TUAN	PPD	40	1	3		67	KHI	Vietnamese
8	ĐÔNG VĂN THUY	PPD	33-34	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
9	LAI XUAN ĐUỐC	PPD	22	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN MINH TIEN	PPD	23-24	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
11	HA VAN NHIEM	PPD	31-32	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
12	VU XUAN HOI	PPD	21	1	17		72	XAYLAP	Vietnamese
13	LE ĐỨC VIỆT	PPD	29-30	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC QUY	PPD	25-26	2	22		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	PPD	27-28	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
16	LE XUAN ĐAM	PPD	35	1	2		69	PSV	Vietnamese
17	BUI THANH TUNG	PPD	38	1	7		67	PSV	Vietnamese
18	VU HOANG QUAN	PPD	37	1	3		58	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN HIỆP	PPD	36	1	6		52	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN VINH	PPD	39	1	3		76	PSV	Vietnamese
21	VO NGOC THAI SON	PPD	42	1	7		74	CO DIEN	Vietnamese
22	LE THANH HIEU	PPD	41	1	7		69	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	6	6	33	465	50	0		
2	PPD	16	22	179	1.094	0	22		
TOTAL		22	28	212	1.559	50	22		
WEIGHT KG				212	1.559	50			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/09/2023	TO: RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	83	1	5		65	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC BAO BÌNH	RP3	82	1	3		61	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN MINH	RP3	81	1	8		101	YTE	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ANH	RP3	51	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐUÔNG HỒNG QUÂN	RP3	79	1	15		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	78	1	8		82	KHI	Vietnamese
7	TRỊNH QUANG HUY	RP3					72	KHI	Vietnamese
8	LÊ XUÂN HIỆN	RP3	85-86	2	15		76	KHI	Vietnamese
9	PHAN ANH KHANG	RP3	87-88	2	8		68	KHI	Vietnamese
10	KHÔNG TIẾN DUNG	RP3	84	1	6		73	KHI	Vietnamese
11	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	RP3	41-42	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN QUANG	RP3	43-44	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN VĂN BÁC	RP3	45-46	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN LINH	RP3	49-50	2	13		61	XAYLAP	Vietnamese
15	LUÔNG MINH KHUÊ	RP3	39-40	2	18		58	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU ĐỨC	RP3	47-48	2	21		80	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC HUY	RP3				29	65	T-TIN	Vietnamese
18	LÊ HOANG ANH	RP3	80	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	24	179	1.261	29	22		
	TOTAL	18	24	179	1.261	29	22		
	WEIGHT KG			179	1.261	29			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Điểm VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+MRM	7:25	20+1	0+0		19+2	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P2 - MRM	CREW: Linh - Mạnh - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VIỆT ANH	P2	73-74	2	7		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TẠ VĂN CUÔNG	P2	82-83	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐO ĐỨC HẬU	P2	90	1	19		62	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN BẢO	P2	89	1	18		77	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC THIỆP	P2	94-95	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN TÂN	P2	91-92	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VĂN SƠN	P2	75-76	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TRINH	P2	86	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG ĐÌNH LUẬN	P2	81	1	11		53	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VĂN HIỀN	P2	71	1	11		62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC PHI	P2	72	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯU MẠNH TIỀN	P2	68	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HÙNG	P2	96-97	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	P2	69-70	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ TRUNG HẢI	P2	93	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN DUY AN	P2	77-78	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TOÀN	P2				24	69	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOÀN QUANG TRUNG	P2				23	68	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TÚ	P2	87-88	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH KÝ	P2	66-67	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
21	MAI HUY TÚ	MRM	71	1	8		61	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

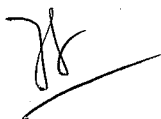
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	28	250	1.333	47	19		
2	MRM	1	1	8	61	0	2		
TOTAL		21	29	258	1.394	47	21		
WEIGHT KG				258	1.394	47			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

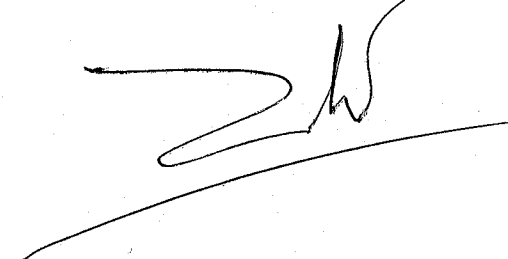
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCl+TD3+CLO	7:25	2+2+18	0+0		0+22	0+0	
2		BK14+TD1+P6	9:25	1+16+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	chuyen 2 bk14-td1

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: GTC1 - TD3 - CLO	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 09:20
XANH-1			

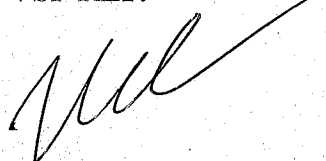
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN QUY	GTC1	400	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO VĂN HIẾU	GTC1	99	1	9	4	75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ XUÂN THĂNG	TD3				26	80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD3	82-83	2	16		71	KHOAN	Vietnamese
5	SUKHOMLIN IGOR	CLO	19	1	10		123	KHOAN	Russian
6	PHAN QUANG HIỂN	CLO	20	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	06	1	5	27	76	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRẦN NAM	CLO	07	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN KHANG	CLO	99	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	CLO	10	1	5		63	YTE	Vietnamese
11	VŨ ANH HIẾU	CLO	14-15	2	19		57	SCHLUMB	Vietnamese
12	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	11-12	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG DUY LÝ	CLO	02	1	5	84	66	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN BÌNH	CLO	09	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
15	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	01	1	13		78	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	08	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
17	BUI XUÂN DUY	CLO	13	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG TIẾN	CLO	04-05	2	8		78	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÌNH XUÂN PHÚ	CLO	100	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LỰC	CLO	17	1	11		59	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	03	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
22	DƯƠNG TRUNG KIẾN	CLO	20	1	12		61	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	2	2	18	153	4	0		
2	TD3	2	2	16	151	26	0		
3	CLO	18	21	152	1,269	111	22		
TOTAL		22	25	186	1,573	141	22		
WEIGHT KG				186	1,573	141			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: BK14 - TD1 - P6	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 11:40
CAM-2			

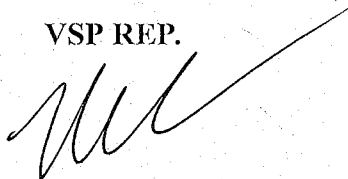
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG NGỌC TÙNG	BK14	87	1	10	22	62	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN QUÝ	TD1	76	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
3	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	71	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	72	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ MINH DŨNG	TD1	77	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
6	TRÌNH HUY TOÀN	TD1	80	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	75	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	84	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	86-87	2	7		64	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ VĂN HẬU	TD1	88	1	5	53	67	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG TUẤN ANH	TD1	79	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG THỰC	TD1	81-82	2	11		69	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	83	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ THÈ HÙNG	TD1	73	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HỮU HÙNG	TD1	85	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG ANH	TD1	78	1	9		69	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

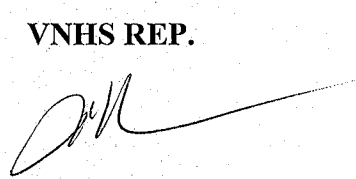
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	1	10	62	22	0+2		CHUYEN 2 PAX BK14-TD1
2	TD1	16	18	110	1.068	53	16		
3	P6	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		17	19	120	1.130	75	22		
WEIGHT KG				120	1.130	75			

GRAND TOAL: 1.325 KGS

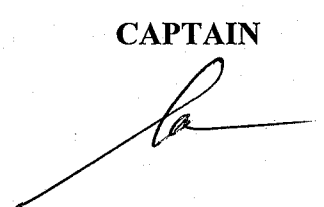
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC6+TD2	7:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
2		RP3+RC8	7:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
3		VSP02	9:25	22	0		22	0	
4		RP1	9:25	22	0		22	0	
5		RC4+RC6+RC5	11:25	11+5+6	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
6		RC4+RP1+RP3	11:25	4+2+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
7		VSP02+RCDM	13:25	17+5	0+0		14+8	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/Đi về trong ngày RC6-3ng, RP3-4ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RC6 - TD2	CREW: CHIẾN - NPhú - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH XUAN TRUONG	RC6				38	75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN DUY ANH	RC6	44	1	2		60	D-HANH	Vietnamese
3	BUI VAN HUY	RC6					63	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THE ANH	RC6	43	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG HIỀN	TD2	83-84	2	14	21	75	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH QUỐC KHÁNH	TD2	82	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	77	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	89-91	3	17		81	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	76	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	81	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					64	KHOAN	Vietnamese
12	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HỮU HẬU	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HÙNG CUÔNG	TD2	85	1	6		100	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ SĨ MINH TÂN	TD2	92-93	2	7		57	KHOAN	Vietnamese
16	HỒ VĂN HÙNG	TD2					77	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THANH	TD2	96	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN QUÂN	TD2	87	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ BA NAM	TD2	88	1	9		86	ANTOAN	Vietnamese
20	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD2	94	1	5		59	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN VINH	TD2	79-80	2	18		94	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD2	78	1	17		85	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	4	2	10	268	38	1		
2	TD2	18	20	133	1.353	21	21		
TOTAL		22	22	143	1.621	59	22		
WEIGHT KG				143	1.621	59			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/09/2023	TO: RP3 - RC8	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - QTrường	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOEVODCHENKOV	RP3	21	1	5		98	KH-THAC	Russian
2	BUI VAN THANH	RP3	19	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI NGOC THIET	RP3	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG TRUNG	RP3	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG VAN THANH	RP3	26	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI ANH SON	RP3	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG QUANG THUONG	RP3	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG VAN THUONG	RP3	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUNG	RP3					66	ANTOAN	Vietnamese
10	ĐO DUY TIEN	RP3	30	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TU HAI	RP3	27	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NOVIKOV A.IU	RP3	24	1	3		92	D-HANH	Russian
13	NGUYEN TRONG CUONG	RP3					78	D-HANH	Vietnamese
14	TRAN BA THUAN	RP3	23	1	3		65	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	28	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TSOPANOV	RC8	51	1	18		100	KH-THAC	Russian
17	NGUYEN TAN PHONG	RC8	55	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH VAN THUAN	RC8	56-57	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH NAM	RC8	58	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN TRONG HIEU	RC8	53-54	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
21	TÔ CÔNG TẠNH	RC8	52	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	13	62	1.048	0	16		
2	RC8	6	8	61	429	50	6		
TOTAL		21	21	123	1.477	50	22		
WEIGHT KG				123	1.477	50			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: VSP02	CREW: CHIẾN - NPhú - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐỨC TRÍ	VSP02	77	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH TRƯỞNG PHI	VSP02	69	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	83	1	11		57	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	76	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	62	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	85	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	VSP02	75	1	12		92	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	84	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	68	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	71	1	7	20	91	KH-THAC	Vietnamese
12	SABITOV A.A.	VSP02					80	KH-THAC	Russian
13	NGÔ DUY KHIÊM	VSP02	67	1	6		66	YTE	Vietnamese
14	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	86-87	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	VSP02	74	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	72	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	63	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	81-82	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
19	YANDYAN	VSP02	64-65	2	17		88	KH-THAC	Russian
20	GURIN V.	VSP02	66	1	5		99	KH-THAC	Russian
21	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG VIET THANH	VSP02	79-80	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	25	183	1.615	20	22		
	TOTAL	22	25	183	1.615	20	22		
	WEIGHT KG			183	1.615	20			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/09/2023	TO: RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.Cuong - DTùng	ETA: 11:45
cam-2			

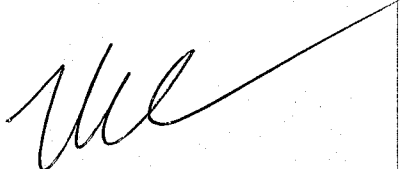
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	72	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MINH HIẾU	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
4	TAO QUANG NGÂN	RP1	37-38	2	8		52	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO QUỐC UY	RP1	74-76	3	19	7	82	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	70	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	35-36	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BẠC HÀ	RP1	84	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	79	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH CÔNG	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG THẾ ANH	RP1	83	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ĐÌNH BA	RP1	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THUY	RP1	33-34	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VĂN SƯU	RP1	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	85	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUÂN	RP1	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
19	KOROGLUEV	RP1	71	1	5		76	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN PHI KHAI HOAN	RP1	77-78	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RP1	86-88	3	18		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	26	155	1.556	7	22		
	TOTAL	22	26	155	1.556	7	22		
	WEIGHT KG			155	1.556	7			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

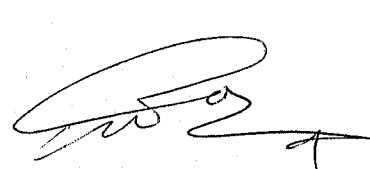
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Liều VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	TO: RC4 - RC6 - RC5	CREW: TTrung - N.ANH - PTUÂN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐÌNH THẮNG	RC4	28-29	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BA LINH	RC4	30-31	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO NGỌC HAI	RC4	34	1	16	45	71	XAYLAP	Vietnamese
4	TRỊNH HỒNG SƠN	RC4	35	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
5	TRƯỜNG VĂN NHIỀU	RC4	36	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HÙNG	RC4	38	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN HUY CƯỜNG	RC4	39-40	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRONG MINH	RC4	34	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN TUNG	RC4	32	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
10	DANG MINH DUNG	RC4					75	KH-THAC	Vietnamese
11	LE HAI ANH	RC4	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	30	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN TRƯỞNG	RC6	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	46	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RC6	31-32	2	19		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TUÂN	RC6	47,28	2	16		75	DK9	Vietnamese
17	KURPASOV	RC5	23	1	3		75	KH-THAC	Russian
18	TRỊNH VĂN TIẾN	RC5	66	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC5	21-22	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN TRUNG	RC5	24	1	8	20	85	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HOANG TUNG	RC5	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI TRUNG SƠN	RC5	26	1	7		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	11	13	120	748	45	7		
2	RC6	5	7	50	374	0	6		
3	RC5	6	7	39	445	20	9		
TOTAL		22	27	209	1.567	65	22		
WEIGHT KG				209	1.567	65			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	TO: RC4 - RP1 - RP3	CREW: TUYỀN - N.Cương - DTùng	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN DONG	RC4	79-80	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN HONG THANH	RC4	78	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DUC ANH	RC4	74-75	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI VAN TUONG	RC4	77	1	3		66	PSV	Vietnamese
5	VU XUAN TIEN	RP1	72	1	9		70	PSV	Vietnamese
6	PHAM DINH VAN	RP1	73	1	5		73	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	31	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DOAN THANH	RP3	34	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE DUC OANH	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CONG	RP3	38	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG HAI	RP3					88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TIEN	RP3	35	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG XUAN HUNG	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DUC HUY	RP3	33	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	VU THANH LONG	RP3	31	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
16	VU THANG	RP3	36	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI DUC THUAN	RP3	41	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN HIEN	RP3	39-40	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM THE PHONG	RP3	37	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MINH THIEN	RP3	92	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	DO XUAN LOI	RP3				76	80	PVGAS	Vietnamese
22	DANG VAN HUU	RP3	72-73	2	13		70	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	4	6	58	277	0	0		
2	RP1	2	2	14	143	0	0		
3	RP3	16	14	85	1.144	76	22		
TOTAL		22	22	157	1.564	76	22		
WEIGHT KG				157	1.564	76			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lương

[Signature]

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/09/2023	TO: VSP02 - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - PTUẤN	ETA: 16:20
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIÊN HIỆP	VSP02	95	1	5	19	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	89	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH ANH BAO	VSP02	91-92	2	11		81	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	73-75	3	18		62	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH THẾ ANH	VSP02	98-99	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN MINH DUY	VSP02	72	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ROGINSKIY DMITRY	VSP02	79	1	10		90	ANTOAN	Russian
8	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	96	1	8		69	PSV	Vietnamese
9	HOANG VĂN TRUNG	VSP02	88	1	5		85	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP02	78	1	5		81	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	90	1	6		61	PSV	Vietnamese
12	PHAN THANH NAM	VSP02	70	1	10		75	PSV	Vietnamese
13	ĐÀO TIÊN THANH	VSP02	200	1	7		92	DK9	Vietnamese
14	NGUYỄN TRONG TÂN	VSP02	93-94	2	13		88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	36	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO DỤC CHU	VSP02	97	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VĂN PHU	VSP02	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	39-40	2	18	34	75	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ MINH HIẾN	RCDM	41	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	35	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN KIỂM BÁC	RCDM	42-43	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	36	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	22	133	1.300	19	14		
2	RCDM	5	7	54	373	34	8		
TOTAL		22	29	187	1.673	53	22		
WEIGHT KG				187	1.673	53			

GRAND TOAL: 1.913 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN